

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình  
Sửa chữa, cải tạo khu ở nội trú trường PTDTBT THCS Bát Mọt,  
huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;*

*Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư của Bộ Xây dựng: số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 27/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán chi tiết và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp và thiết bị đồ dùng khu ở nội trú cho các trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS thuộc Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn năm 2020.*

*Căn cứ Quyết định số 4024/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án Sửa chữa, cải tạo khu ở nội trú trường PTDTBT THCS Bát Mọt, huyện Thường Xuân;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 6324/SXD-HĐXD ngày 12/10/2020 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, cải tạo khu ở nội trú trường PTDTBT THCS Bát Mọt, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa; của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3174/TTr-SGDĐT ngày 02/10/2020 (kèm theo hồ sơ dự án).*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, cải tạo khu ở nội trú trường PTDTBT THCS Bát Mọt, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung sau:

**1. Tên công trình:** Sửa chữa, cải tạo khu ở nội trú trường PTDTBT THCS Bát Mọt, huyện Thường Xuân.

**2. Loại, cấp công trình:** Công trình dân dụng, cấp III.

**3. Chủ đầu tư:** Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa.

**4. Địa điểm xây dựng:** Xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

**5. Quy mô đầu tư:**

a) Hiện trạng công trình: Công trình có quy mô 02 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 10,8mx25,2m (tính từ tim đến tim), chiều cao công trình là 10,25m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0.00 là cos nền tầng 1 cao hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,65m. Tầng 1 cao 3,9m, tầng 2 cao 3,6m, mặt bằng bố trí các phòng ở khép kín; mái chống nóng cao 2,1m, lợp tôn trên hệ xà gồ+tường thu hồi; giao thông đứng bằng 01 thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang trước. Hiện trạng, lớp gạch lát nền, ốp tường khu vệ sinh nứt vỡ, sứt lún; hệ thống lan can cầu thang, lan can hành lang trước và hoa sắt đã bong tróc sơn; hệ thống mái chống nóng lợp tôn đã hư hỏng, xuống cấp; sàn mái, sê nô nứt nẻ, thấm dột; hệ thống cửa đi, cửa sổ gỗ pano kính đã xuống cấp, phụ kiện (bản lề, khóa, chốt,..) hư hỏng; hệ thống cấp thoát nước, thiết bị vệ sinh hư hỏng, xuống cấp.

b) Giải pháp cải tạo:

- Khu vệ sinh: Tầng 1 phá dỡ nền hiện trạng, đổ bê tông láng mặt và lát lại gạch. Tầng 2 bóc bỏ lớp nền hiện trạng, vệ sinh chống thấm và lát lại gạch. Phá dỡ lớp gạch ốp tường hiện trạng, ốp lại gạch;

- Phần cửa, lan can: Cạo bỏ, vệ sinh và sơn lại; thay thế kính bị vỡ; lan can và hoa sắt cạo rửa vệ sinh lớp sơn cũ và sơn mới;

- Phần sê nô, sàn mái đục bỏ lớp vữa trát, vệ sinh, chống thấm, láng mặt hoàn thiện;

- Tháo dỡ, thay thế toàn bộ phần mái tôn, xà gồ hiện trạng;

- Sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp thoát nước cho công trình.

**6. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 599.721.000 đồng;** trong đó:

- Chi phí xây dựng: 507.694.000 đồng.

- Chi phí quản lý dự án: 15.147.743 đồng.

- Chi phí tư vấn ĐTXDCT: 56.271.096 đồng.

- Chi phí khác: 8.848.441 đồng.

- Chi phí dự phòng: 11.759.226 đồng.

*(Chi tiết có phụ lục kèm theo).*

**7. Nguồn vốn:** Theo Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán chi tiết và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp và thiết bị đồ dùng khu ở nội trú cho các trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS thuộc Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn năm 2020.

**8. Thời gian thực hiện:** Năm 2020.

**9. Hình thức quản lý dự án:** Theo quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 2.** Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư xây dựng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3 Quyết định ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề b/c) ;
- PCT UBND tỉnh Phạm Đăng Quyền ;
- PCVP UBND tỉnh Đinh Quang Hưng;
- Lưu: VT, VX.(hongtt)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Đăng Quyền**

**Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

**Công trình: Sửa chữa, cải tạo khu ở nội trú trường PTDTBT THCS Bát Mọt, huyện Thường Xuân**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền		
				Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	<b>G<sub>XD</sub></b>		<b>461.540.000</b>	<b>46.154.000</b>	<b>507.694.000</b>
1	Nhà nội trú 02 tầng 12 phòng		Theo bảng tổng hợp kinh phí	461.540.000	46.154.000	507.694.000
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>G<sub>QLDA</sub></b>	$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 3,282\%$	<b>15.147.743</b>		<b>15.147.743</b>
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>	<b>G<sub>TV</sub></b>	<b>1+...+5</b>	<b>51.155.542</b>	<b>5.115.554</b>	<b>56.271.096</b>
1	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 6,500\%$	30.000.100	3.000.010	33.000.110
2	Chi phí thẩm tra thiết kế		Mức tối thiểu	2.000.000	200.000	2.200.000
3	Chi phí thẩm tra dự toán		Mức tối thiểu	2.000.000	200.000	2.200.000
4	Chi phí lập HSMT xây lắp và đánh giá HSDT xây lắp		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,432\%$	1.993.853	199.385	2.193.238
5	Chi phí giám sát thi công xây lắp	<b>G<sub>GSD</sub></b>	$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 3,285\%$	15.161.589	1.516.159	16.677.748
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>G<sub>K</sub></b>	<b>1+...+5</b>	<b>8.811.518</b>	<b>36.923</b>	<b>8.848.441</b>
1	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN ) Thông tư 04/2019/TT-BXD ngày 16/8/2019)		$G_{GSD}^{\text{trước VAT}} \times 20\%$	3.032.318		3.032.318
2	Lệ phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật		$TMĐT \times 0,019\% \times 50\%$	57.000		57.000

3	Chi phí thẩm định: HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp		Mức tối thiểu	2.000.000		2.000.000
4	Chi phí bảo hiểm công trình (Thông tư 329/2016/TT-BTC)		$G_{XD} \text{ trước VAT} \times 0,080\%$	369.232	36.923	406.155
5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Thông tư 10/2020/TT-BTC)		$TMĐT \times 0,570\%$	3.352.968		3.352.968
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	<b>GDP</b>				<b>11.759.226</b>
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh		$(I+II+III+IV) \times 2,0\%$			11.759.226
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>599.720.505</b>
	<b>LÀM TRÒN</b>					<b>599.721.000</b>